TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HỒI** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2019/QĐST-DS	*Ngọc Hồi, ngày 22 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 3 năm 2019, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 104/2018/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Đồng Nguyên đơn: Anh Trần Quang B – sinh năm 1991 và chị Nguyễn Thị N – sinh năm 1991; Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn P, huyện N, tỉnh K.
- Đồng Bị đơn: Anh Lương Văn H và chị Trần Thị D; Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh K.
- Người có quyền lợi ngĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị Vân A; Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện N, tỉnh K.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Đến ngày 14/3/2019 anh Lương Văn H và chị Trần Thị D công nhận còn nợ anh Trần Quang B và chị Nguyễn Thị N, tổng số tiền mua đất và nhà là 995.000.000đ (Chín trăm chín mươi lăm triệu đồng). Anh H, chị D đồng ý trả toàn bộ số tiền 995.000.000đ (Chín trăm chín mươi lăm triệu đồng) cho anh B, chị N. Thời hạn anh H, chị D trả toàn bộ số tiền 995.000.000đ (Chín trăm chín mươi lăm triệu đồng) cho anh B, chị N là ngày 14/4/2019.

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự, kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho bên được thi hành án, thì bên phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Án phí: Căn cứ Điều 144, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Trần Quang B và chị Nguyễn Thị N nhận chịu 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền 21.000.000đ (Hai mươi mốt triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh Trần Quang B và chị Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm còn lại là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) theo biên lai số: AA/2016/0000158 ngày 01/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh K.

Anh Lương Văn H và chị Trần Thị D phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 10.925.000đ (Mười triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ngọc Hồi;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hồi;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN